| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 5 – AN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – H phúc** |

Bản án: 461/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 12 - 2025
V/v "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa:* Ông Dương Văn Hôm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Mẫn
2. Ông Hà Bửu Khánh

- ***Thư ký phiên Tòa***: Bà Võ Thị Mỹ Nhan - là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 –An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thuý An – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2025/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2025 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 260/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 30 tháng 9 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Võ Thị H, sinh năm: 1989 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Xẻo Mây, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang

- *Bị đơn:* Anh Mã Hoàng H, sinh năm: 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Xẻo Mây, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Võ Thị H trình bày:* Chị và anh Mã Hoàng H tự tìm hiểu quen biết, được gia đình cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã TH Hoà, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (nay là xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang) chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống với nhau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi với nhau, sống không có H phúc nên vào năm 2024 giữa chị và anh H đã không còn chung sống vợ chồng với nhau cho đến nay. Chị H cho rằng giữa chị và anh H không thể hàn gắn để chung sống H phúc với nhau nên yêu cầu được ly hôn anh H.

Về con chung, chị xác định chị và anh H không có con chung.

Về tài sản và nợ chung, chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Mã Hoàng H không giao nộp bản khai thể hiện ý kiến hoặc có văn bản phản đối với các yêu cầu khởi kiện của chị H và vắng mặt qua các lần mời của Tòa.

*Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:*

*Về thủ tục tố tụng*: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử, nguyên đơn đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên còn vi phạm thời hạn xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, đề nghị khắc phục. Riêng bị đơn thực hiện không đúng quy định tại Điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về quan điểm giải quyết vụ án:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H tự tìm hiểu và được sự đồng ý của cha mẹ tổ chức lễ cưới vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Hòa vào ngày 27 tháng 5 năm 2011. Nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Quá trình hôn nhân giữa chị H và anh H thời gian đầu chung sống với nhau H phúc được 5 năm thì phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân là do cả hai bất đồng quan điểm về rất nhiều vấn đề trong cuộc sống mà không thể giải quyết được, mặc dù chị H đã cho anh H rất nhiều cơ hội sữa chữa lỗi lầm nhưng anh H không những không thay đổi mà còn làm cho mâu thuẩn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng chị H và anh H sống ly thân từ tháng 7 năm 2024 cho đến nay.

Nay chị H xét thấy cuộc sống vợ chồng quá ngột ngạt không thể nào sống chung với anh H được nữa nên yêu cầu ly hôn với anh H. Điều đó chứng tỏ, giữa anh chị đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau trong một thời gian dài, đã vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Chị H cương quyết xin ly hôn với anh H, chứng tỏ mâu thuẩn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc khác từ khi chị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh H thì anh hoàn toàn không có ý kiến gì về việc ly hôn này. Nay chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H là có căn cứ, phù hợp theo quy định khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đông xét xử chấp nhận.

Về con chung: Quá trình hôn nhân giữa chị H và anh H không có con chung, đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu đề nghị không xem xét.

Về án phí: đề nghị áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc chị H nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự tố tụng: Chị Võ Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Mã Hoàng H nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn nuôi được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh H với tư cách là bị đơn có nơi cư trú tại xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

Chị Võ Thị H với tư cách là nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, riêng anh H là bị đơn Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giag đã thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp về việc kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét và quyết định hoãn phiên Tòa trực tiếp cho anh H nhưng không thực hiện được do anh không có mặt tại nhà vì đi làm ở xa. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng trên theo quy định của pháp luật và thông qua số điện thoại cá nhân của anh H, chị H đã truyền tải thông tin vụ kiện cũng như yêu cầu của chị cho anh H biết, để anh có ý kiến phản hồi nhưng anh H không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến và vắng mặt qua các lần công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên Tòa xét xử không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị H và anh H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H xác định chị và anh H tự tìm hiểu quen biết trước và đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã TH Hoà, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (nay là xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang) chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị H và anh H xảy ra nhiều mâu thuẫn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, giữa chị H và anh H đã ly thân từ năm 2024 cho đến nay, anh chị đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, mục đích để xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được, bản thân anh H cũng không có thiện chí để hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh vắng mặt qua các lần mời của Tòa, hiện tại chị H xác định chị đã không còn sống chung với anh H từ năm 2024 nên xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị H được ly hôn anh H.

[2.2] Về con chung: Chị H xác định chị và anh H không có con chung nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án;

Do yêu cầu của chị H được chấp nhận nên chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012974 ngày 07 tháng 3 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 - An Giang). Chị H đã nộp đủ án phí nên không phải nộp thêm.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Võ Thị H được ly hôn với anh Mã Hoàng H.

2. Về án phí: Buộc chị Võ Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0012974 ngày 07 tháng 3 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 - An Giang). Chị H đã nộp đủ án phí nên không phải nộp thêm..

Báo cho các bên đương sự được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND KV5-AG;
- THADS tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Giồng Riềng;
- Lưu HS, VP.

**Dương Văn Hôm**